

Bản án số: 113/2021 /HSPT

Ngày: 27 - 01 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Cường**

Các thẩm phán: **Ông Trần Minh Tuấn**

Ông Nguyễn Văn Tào

- Thư ký phiên tòa: Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh, Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 312/2020/TLPT-HS ngày 27 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo **Đỗ Thái V** cùng đồng phạm bị tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của tổ chức tín dụng*”. Do có kháng cáo của bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52 /2020/HS-ST ngày 17 -7-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo kháng cáo và có liên quan đến kháng cáo.

1. Họ và tên: **Đỗ Thái V**, sinh năm 1980 tại tỉnh Khánh H; nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: N Giám đốc Ngân hàng X Việt Nam, chi nhánh T, Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thanh V (đã chết) và con bà Bùi Thị T; có vợ là Phạm Thị Mỹ P và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/10/2017 – vắng mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Quốc M**, sinh năm 1985 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: N cán bộ tín dụng Ngân hàng X Việt Nam, chi nhánh T, Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Quốc H và bà

Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc A và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/10/2017 – có mặt.

3. Họ và tên: **Ngô Viết T**, sinh năm 1983 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: N cán bộ Ngân hàng X Việt Nam, chi nhánh T, Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Viết H và bà Tạ Uyên P; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/8/2018 – vắng mặt.

*** Bị hại kháng cáo:** Ngân hàng X Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Đình Đ – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng X Việt Nam, Chi nhánh Bắc Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông D Hiền T – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng hộ sản xuất và cá nhân, Ngân hàng X Việt Nam, Chi nhánh Bắc Đắk Lắk; Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Tô Tiến D, Luật sư thuộc văn phòng Luật sư La M, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo.**

1. Bà Nguyễn Thị Thanh B và ông Trần D. Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Ông Lê Văn M. Địa chỉ: thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Trong vụ án này còn có 55 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng X Chi nhánh T (Viết gọn: Chi nhánh Ngân hàng T) là Chi nhánh cấp 3 trực thuộc Ngân hàng X Chi nhánh Đắk Lắk (nay là Ngân hàng X Chi nhánh Bắc Đắk Lắk). Về cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành tại Chi nhánh Ngân hàng T: Từ năm 2007 đến ngày 31/8/2011, Giám đốc là Phan Văn T; Đỗ Thái V là Trưởng phòng tín dụng từ ngày 11/9/2006 đến ngày 31/3/2010, Phó giám đốc từ ngày 01/4/2010 đến ngày 31/8/2011, Q giám đốc và Giám đốc từ ngày 01/9/2011 đến ngày 26/12/2012.

Ngày 01/11/2011, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng T ký Quyết định số 58/QĐ-NHNo về việc thành lập tổ thẩm định tại Chi nhánh Ngân hàng T theo đó Ngô Viết T - Cán bộ tín dụng làm Tổ trưởng, Nguyễn Quốc M - Cán bộ tín dụng là Tổ viên. Nhiệm vụ của tổ thẩm định như sau: Cán bộ thẩm định trực tiếp tiến hành thẩm định

theo quy định, lập báo cáo thẩm định, đề xuất cho vay hay không cho vay, chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước pháp luật về ý kiến của mình; Lãnh đạo bộ phận thẩm định kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý và chính xác của báo cáo thẩm định, nêu ý kiến cho vay hay không cho vay, chịu trách nhiệm về ý kiến đó trước cấp trên và trước pháp luật, sau đó trình hồ sơ lên Giám đốc quyết định cho vay.

Trong thời gian năm 2011 và năm 2012, Chi nhánh Ngân hàng T ký 59 Hợp đồng tín dụng cho 45 khách hàng vay vốn với mục đích kinh doanh nông sản, sang nhượng rẫy cà phê, mua sắm thiết bị nội thất, với tổng số tiền giải ngân là 81.480.000.000 đồng, thế chấp 50 tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và 04 xe ô tô. Quá trình giải quyết cho vay, Nguyễn Quốc M, Ngô Viết T, Đỗ Thái V, Phan Văn T đã lập hồ sơ giải quyết cho vay khi không thẩm định, tái thẩm định điều kiện vay vốn, tự ý nâng khống giá trị tài sản đảm bảo cao gấp nhiều lần số tiền vay, vi phạm nghiêm trọng quy định, quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về thực hiện quy trình tiếp nhận hồ sơ; về thẩm định, xét duyệt cho vay; về phê duyệt, quyết định cho vay; về kiểm tra, giám sát vốn vay. Tính đến ngày 20/4/2016 (ngày khởi tố vụ án), toàn bộ các hợp đồng tín dụng đều quá hạn, với tổng dư nợ là **60.447.747.148 đồng** (gồm gốc 76.000.000.000 đồng – tài sản thế chấp 15.522.252.852 đồng), cụ thể:

1. Hồ sơ khách hàng Hà Thị Đoan P.

Ngày 22/3/2011 ký Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100136, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích kinh doanh nông sản, thời hạn trả nợ ngày 22/3/2013. Hồ sơ không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế bà P không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AM 294237 do UBND huyện K cấp ngày 16/7/2008, cấp cho ông Nguyễn Ngọc C - địa chỉ: thôn T 6, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 809/KLĐG-STC ngày 19/4/2016 và số 678/KLĐG-STC ngày 05/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 160.721.000 đồng; năm 2016 là 420.249.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định mà không đi thẩm định điều kiện vay vốn, Phan Văn T ký phê duyệt cho vay. Tính đến ngày khởi tố vụ án hợp đồng tín dụng còn nợ gốc là 1,5 tỷ đồng, nợ lãi là 1.554.187.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại số tiền là 1.079.751.000 đồng (1.500.000.000đ nợ gốc – 420.249.000đ giá trị tài sản thế chấp); Ngày 28/4/2016, Ngân hàng thu nợ gốc với số tiền 1.499.950.000đ.

2. Hồ sơ khách hàng Nguyễn Ngọc A.

- Ngày 11/3/2011 ký Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100118, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích vay là kinh doanh nông sản, thời hạn trả 11/3/2013. Hồ sơ không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế ông A không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AI 786129, thửa đất số 401, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: xã E, K, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường Đ, thị xã B), đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Trí H và bà Trương Thị H V, địa chỉ:

phường Đ, thị xã B, được Ngân hàng định giá 04 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2011 là 33.600.000 đồng; năm 2018 là 346.849.000 đồng”; Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký mục TP kinh doanh, Phan Văn T - giám đốc ký phê duyệt cho vay. Ngày 12/8/2012, Ngân hàng thu nợ 600.000.000 đồng. Tính đến ngày khởi tố vụ án, thì hợp đồng tín dụng còn nợ gốc là 900.000.000 đồng, nợ lãi là 1.084.650.000 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại là 553.151.000 đồng (900.000.000 đồng nợ gốc – 346.849.000 đồng giá trị tài sản thế chấp); Ngày 05/02/2018, bà Hoàng Thị T, ông Lê Văn N người thân, quen của Phan Văn T nộp 899.900.000 đồng.

- Ngày 09/8/2012, ký Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200438, vay số tiền 600.000.000 đồng, mục đích vay là kinh doanh nông sản; hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V phê duyệt cho vay. Tính đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 600.000.000 đồng, nợ lãi 406.508.333 đồng. Hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại là: 600.000.000 đồng.

- Ngày 16/10/2012, ký Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200521, vay số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích vay là nhận sang nhượng 04 ha cà phê kinh doanh, mua sắm vật dụng gia đình; hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Ngô Viết T ký mục tổ trưởng, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Tính đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi 534.644.444 đồng. Hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại là: 1.000.000.000 đồng.

3. Hồ sơ khách hàng Lê Khả T.

- Ngày 09/06/2011 ký Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100287, vay số tiền 500.000.000 đồng; mục đích vay là kinh doanh nông sản, hạn trả 09/6/2012. Trong hồ sơ vay vốn có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40E8001884 do phòng tài chính kế hoạch huyện K cấp ngày 25/8/2008 cho hộ kinh doanh Lê Khả T. Tuy nhiên xác minh tại Phòng tài chính kế hoạch huyện K (nay là thị xã B) không có hồ sơ làm thủ tục giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên. Xác minh tại Chi cục thuế thị xã B và huyện K thì không có đăng ký kê khai thuế và thực tế ông T không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 260409. Thửa đất số 492, tờ bản đồ số 01, địa chỉ Thị trấn B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường K, thị xã B), đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Ngọc C, địa chỉ: xã P, huyện K, được Ngân hàng định giá 2,7 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2011 là 55.700.000 đồng; năm 2018 là 235.774.000 đồng”. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký mục TP kinh doanh ký, Phan Văn T - giám đốc ký phê duyệt cho vay. Tính đến ngày khởi tố vụ án, thì hợp đồng tín dụng còn nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi là 449.151.389 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại là 264.226.000 đồng (500.000.000 đồng nợ gốc – 235.774.000 đồng giá trị tài sản thế chấp); Ngày 05/02/2018, Ngân hàng thu nợ gốc với tổng số tiền 499.900.000 đồng.

- Ngày 16/02/2012 ký Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2012.00065, vay số tiền 1.000.000.000 đồng; mục đích vay là kinh doanh nông sản lưu động, hạn trả 16/02/2013; hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V phê duyệt cho vay. Tính đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi 774.680.556 đồng. Hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.000.000.000 đồng.

4. Hồ sơ khách hàng Huỳnh Trọng N.

- Ngày 13/7/2011 ký Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2011.00379, vay số tiền 300.000.000 đồng; mục đích vay là kinh doanh nông sản lưu động, hạn trả 13/7/2012. Trong hồ sơ vay vốn có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40E8001861 do Phòng tài chính kế hoạch huyện K cấp ngày 22/8/2008 cho hộ kinh doanh Huỳnh Trọng N. Tuy nhiên xác minh tại Phòng tài chính kế hoạch huyện K (nay là thị xã B) không có hồ sơ làm thủ tục giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên. Xác minh tại Chi cục thuế thị xã B và huyện K thì không có đăng ký kê khai thuế và thực tế ông N không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 189184. Thửa đất số 09, tờ bản đồ trích đo, địa chỉ phường K, thị xã B, Đắc Lắc, đứng tên người sử dụng ông Văn Công A, địa chỉ: xã P, huyện K được Ngân hàng định giá 2,8 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắc Lắc kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2011 là 56.000.000 đồng; năm 2018 là 100.087.000 đồng”. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký trưởng phòng kinh doanh, Phan Văn T ký phê duyệt cho vay. Tính đến ngày khởi tố vụ án, thì hợp đồng tín dụng còn nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi là 276.935.000 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại là 199.913.000 đồng (300.000.000 đồng nợ gốc – 100.087.000 đồng giá trị tài sản thế chấp); Ngày 05/02/2018, Ngân hàng thu nợ gốc với tổng số tiền 299.950.000 đồng.

- Ngày 07/12/2011 ký Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2011.00591, vay số tiền 1,2 tỷ đồng; thời hạn trả 07/12/2012. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.200.000.000 đồng, nợ lãi 653.500.000 đồng. Hợp đồng này gây hậu quả thiệt hại 1.200.000.000 đồng.

5. Hồ sơ khách hàng Võ K.

Ngày 06/4/2011 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2011.00187, vay số tiền 480.000.000 đồng, mục đích kinh doanh điện thoại di động, thời hạn trả ngày 06/4/2012. Trong hồ sơ vay vốn có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40D8001359 do Phòng tài chính kế hoạch huyện KN cấp ngày 31/01/2007 cho hộ kinh doanh X, nhưng không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh điện thoại. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 969153. Thửa

đất số 57+65, tờ bản đồ số 41, địa chỉ: thôn E, xã E, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk. Đúng tên người sử dụng Võ K được Ngân hàng định giá 650.000.000 đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2011 là 106.818.000 đồng; năm 2018 là 1.237.524.000 đồng”. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký trưởng phòng kinh doanh, Phan Văn T ký phê duyệt cho vay. Tính đến ngày khởi tố vụ án, thì hợp đồng tín dụng còn nợ gốc là 480.000.000 đồng, nợ lãi là 447.766.667 đồng.

Đối với hợp đồng này tại thời điểm lập hồ sơ, phê duyệt cho vay có vi phạm quy định cho vay (nâng không giá trị tài sản thế chấp), nhưng đến nay giá trị tài sản thế chấp cao hơn so với dư nợ tại Ngân hàng, do đó không có hậu quả thiệt hại xảy ra, nên không xem xét xử lý đối với hợp đồng này; Ngày 05/02/2018, Ngân hàng thu nợ gốc số tiền 479.900.000 đồng.

6. Hồ sơ khách hàng X.

- Ngày 24/01/2011 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100224, vay số tiền 02 tỷ đồng, hợp đồng hạn mức, thời hạn trả 24/01/2013, mục đích vay kinh doanh nông sản. Trong hồ sơ vay vốn không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế bà X không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 468313. Thửa đất số 288, tờ bản đồ số 08, địa chỉ thị trấn B, K, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường A, thị xã buôn Hồ). Đúng tên người sử dụng Nguyễn Ngọc C, địa chỉ: xã P, huyện K được Ngân hàng định giá 03 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 10.736.000 đồng; năm 2018 là 669.540.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký trưởng phòng kinh doanh, Phan Văn T ký phê duyệt cho vay. Ngày 21/6/2012 Ngân hàng thu số tiền 1,1 tỷ đồng nợ gốc và ngày 05/02/2018 Ngân hàng thu số tiền 899.900.000 đồng nợ gốc. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 900.000.000 đồng, nợ lãi 1.233.329.167 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 230.460.000 đồng (900.000.000 đồng - 669.540.000 đồng).

- Ngày 21/6/2012 Nguyễn Quốc M lập giấy nhận nợ được Đỗ Thái V ký phê duyệt cho bà X vay số tiền 1.100.000.000 đồng. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1,1 tỷ đồng, nợ lãi 696.238.889 đồng. H quả thiệt hại theo giấy nhận nợ này là 1,1 tỷ đồng.

7. Hồ sơ khách hàng Lê Thị L.

- Ngày 17/02/2011 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2011.00079, hợp đồng hạn mức tín dụng 02 tỷ đồng, thời hạn trả 17/02/2014, mục đích vay là kinh doanh nông sản lưu động. Hồ sơ không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế bà L không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 370045. Thửa đất số 61, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thị trấn B, huyện K, Đắk Lắk (nay là phường K, thị xã B), đúng tên người sử

dụng Nguyễn Thị Dạ T, địa chỉ: phường T, thị xã B được Ngân hàng định giá 2,7 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2011 là 240.000.000 đồng; năm 2018 là 666.821.000 đồng. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký trưởng phòng kinh doanh, Phan Văn T ký phê duyệt cho vay; ngày 15/8/2012, Ngân hàng thu nợ gốc số tiền 1.100.000.000 đồng.

Tính đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 900.000.000 đồng; ngày 05/02/2018, Ngân hàng thu nợ gốc số tiền 899.950.000 đồng; đến nay, còn nợ gốc 50.000 đồng, nợ lãi 1.155.700.000 đồng.

Như vậy hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.394.879.000 đồng (900.000.000 đồng + 1.155.700.000 đồng – 660.821.000 đồng).

- Ngày 15/8/2012, Ngô Viết T lập, ký giấy nhận nợ, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho bà Lê Thị L vay số tiền 1.100.000.000 đồng theo hợp đồng số 5219-LAV-2011.00079 nhưng không thẩm định lại điều kiện vay vốn. Đến ngày khởi tố vụ án, khoản vay này còn nợ gốc 1.100.000.000 đồng, nợ lãi 745.265.278 đồng. H quả thiệt hại theo giấy nhận nợ này là 1.100.000.000 đồng.

8. Hồ sơ khách hàng Nguyễn M Q.

Ngày 29/11/2011, ký Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100564, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích kinh doanh nông sản, thời hạn trả nợ vào ngày 29/11/2012. Hồ sơ không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản và ông Q không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AM 261041 do UBND huyện K cấp ngày 16/9/2008; đứng tên người sử dụng Nguyễn Thị Kim D cư ngụ tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Tuy nhiên, tại Bản kết luận định giá tài sản số 809/KLĐG-STC ngày 19/4/2016 và số 678/ KLĐG-STC ngày 05/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2010 và năm 2012 là 13.760.000 đồng; năm 2016 là 42.200.000 đồng”.

Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định mà không đi thẩm định điều kiện vay vốn; Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Từ ngày 19/5/2016 đến ngày 26/9/2016 Ngân hàng thu nợ gốc với số tiền 82.500.000 đồng. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.117.312.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại số tiền là 1.457.800.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 42.200.000 đồng).

9. Hồ sơ khách hàng Lê Thị H và ông Phan Văn S.

Ngày 01/12/2011, ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100571, vay 1,5 tỷ đồng, mục đích kinh doanh nông sản, thời hạn trả nợ vào ngày 03/12/2012. Hồ sơ không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản và bà H không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BA 139969 do UBND thị xã B cấp ngày 19/9/2011, đứng tên người sử dụng ông Văn Công A, cư ngụ tại thôn T 6, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Tại Bản kết

luận định giá tài sản số 809/KLĐG-STC ngày 19/4/2016 và số 678/KLĐG-STC ngày 05/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2010 và năm 2012 là 13.200.000 đồng; năm 2016 là 30.000.000 đồng”.

Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định mà không đi thẩm định điều kiện vay vốn; Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Từ ngày 19/5/2016 đến ngày 26/9/2016 Ngân hàng thu nợ gốc với số tiền 88.700.000 đồng. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1,5 tỷ đồng, nợ lãi 1.119.221.747 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại số tiền là 1.470.000.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 30.000.000 đồng).

10. Hồ sơ khách hàng Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Ngọc L.

Ngày 21/12/2011, ký Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100618, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích kinh doanh nông sản, thời hạn trả nợ vào ngày 21/12/2012. Hồ sơ vay vốn có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40E8001359 do Phòng tài chính kế hoạch huyện K cấp ngày 12/5/2008 cho Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, xác minh tại Phòng tài chính kế hoạch huyện K (nay là thị xã B) không có hồ sơ làm thủ tục giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên. Xác minh tại Chi cục thuế thị xã B và huyện K thì không có đăng ký kê khai thuế và ông Nguyễn Văn T không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AM 265782 do UBND huyện K cấp ngày 28/12/2007; đứng tên người sử dụng ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Phường T, thị xã B được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 809/KLĐG-STC ngày 19/4/2016 và số 678/KLĐG-STC ngày 05/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2010 và năm 2012 là 58.224.000 đồng; năm 2016 là 368.400.000 đồng”.

Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định mà không đi thẩm định điều kiện vay vốn; Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Từ ngày 19/5/2016 đến ngày 26/9/2016 Ngân hàng thu nợ gốc với tổng số tiền 78.600.000 đồng. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1,5 tỷ đồng, nợ lãi 1.109.062.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại số tiền là 1.131.600.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 368.400.000 đồng).

11. Hồ sơ khách hàng Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1990, cư ngụ tại phường T, thị xã B.

Ngày 04/01/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200003, vay số tiền 1,5 tỷ đồng để kinh doanh nông sản, thời hạn trả nợ vào ngày 04/01/2013. Hồ sơ không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản và bà M không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AM 261205 do UBND huyện K cấp ngày 13/8/2008; đứng tên người sử dụng Trần Thị Mỹ H và ông Võ Văn D, địa chỉ: Phường T, thị xã B được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 809/KLĐG-STC ngày 19/4/2016 và số 678/KLĐG-STC ngày 05/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết

luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2010 và năm 2012 là 14.796.000 đồng; năm 2016 là 107.450.000 đồng”.

Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định mà không đi thẩm định điều kiện vay vốn; Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Từ ngày 19/5/2016 đến ngày 26/9/2016 Ngân hàng thu nợ gốc với tổng số tiền 90.700.000 đồng. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1,5 tỷ đồng, nợ lãi 1.093.312.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại số tiền 1.392.550.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 107.450.000 đồng).

12. Hồ sơ khách hàng Trương Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn T.

Ngày 04/01/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200004, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, kinh doanh nông sản, thời hạn trả nợ vào ngày 04/01/2013. Hồ sơ vay vốn có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40C8001588 do phòng tài chính kế hoạch huyện K cấp ngày 04/5/2009 cho hộ kinh doanh Trương Thị Ngọc L. Tuy nhiên, xác minh tại Phòng tài chính kế hoạch huyện K (nay là thị xã B) không có hồ sơ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên, xác minh tại Chi cục thuế thị xã B và huyện K thì không có đăng ký kê khai thuế và thực tế bà Trương Thị Ngọc L không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AI 669849 do UBND huyện K cấp ngày 09/8/2007, đứng tên người sử dụng ông Nguyễn T, cư ngụ tại phường T, thị xã B được Ngân hàng định giá 03 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 809/KLĐG-STC ngày 19/4/2016 và số 678/KLĐG-STC ngày 05/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2010 và năm 2012 là 71.440.000 đồng; năm 2016 là 138.250.000 đồng”.

Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định mà không đi thẩm định điều kiện vay vốn, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Từ ngày 19/5/2016 đến ngày 26/9/2016 Ngân hàng thu nợ gốc với tổng số tiền 79.400.000 đồng. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1,5 tỷ đồng, nợ lãi 1.093.312.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại số tiền là 1.361.750.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 138.250.000 đồng).

13. Hồ sơ khách hàng Trần Văn N và bà Nguyễn Thị L.

Ngày 06/01/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100015, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích kinh doanh nông sản, thời hạn trả nợ ngày 07/01/2013. Hồ sơ không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế ông N không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BA 189018 do UBND thị xã B cấp ngày 22/10/2010 đứng tên người sử dụng bà Trần Thị Mỹ H và ông Võ Văn D, địa chỉ: Phường T, thị xã B được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 809/KLĐG-STC ngày 19/4/2016 và số 678/KLĐG-STC ngày 05/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2010 và năm 2012 là 38.864.000 đồng; năm 2016 là 181.300.000 đồng”.

Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định mà không đi thẩm định điều kiện vay vốn, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Từ ngày 19/5/2016 đến ngày 26/9/2016 Ngân hàng thu nợ gốc với tổng số tiền 93.500.000 đồng. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1,5 tỷ đồng, nợ lãi 1.091.062.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại số tiền là 1.381.700.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 181.300.000 đồng).

14. Hồ sơ khách hàng Nguyễn Ngọc A.

- Ngày 05/01/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200009, vay số tiền 1,5 tỷ đồng; mục đích kinh doanh quần áo may sẵn, thời hạn trả nợ ngày 05/01/2013. Trong hồ sơ vay vốn có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40E8001754 do Phòng tài chính kế hoạch huyện K cấp ngày 10/01/2008 cho hộ kinh doanh Nguyễn Ngọc A. Thực tế ông A không kinh doanh quần áo. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AĐ 973038 do UBND huyện K cấp ngày 29/03/2006, đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Ngọc A, địa chỉ: Thôn T 6, xã P, huyện K được Ngân hàng định giá 03 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 222.525.000 đồng; năm 2018 là 611.909.000 đồng”. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, mà không đi thẩm định điều kiện vay vốn, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay.

- Ngày 22/11/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200537, vay số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích kinh doanh quần áo may sẵn, thời hạn trả nợ ngày 05/01/2013. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, mà không đi thẩm định điều kiện vay vốn, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay.

Tính đến ngày khởi tố vụ án, 02 hợp đồng này còn nợ gốc 2.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.872.312.500 đồng. Như vậy, 02 hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại số tiền là 1.888.091.000 đồng (2.500.000.000đ– 611.909.000đ).

15. Hồ sơ khách hàng Phạm Văn A.

Ngày 09/02/2012 để ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200054, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích kinh doanh nông sản lưu động, thời hạn trả nợ 09/02/2013. Hồ sơ không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế ông A không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BE 449057 do UBND thị xã B cấp ngày 02/02/2012, đứng tên người sử dụng ông Văn Công A được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 23.352.000 đồng; năm 2018 là 147.975.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Ngô Viết T ký tổ trưởng, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.253.437.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại số tiền là 1.352.025.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 147.975.000 đồng).

16. Hồ sơ khách hàng Hà Xuân T.

Ngày 30/11/2011 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100567, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích vay là kinh doanh nông sản, thời hạn trả 30/11/2012. Trong hồ sơ vay vốn có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40E8001697 do Phòng tài chính kế hoạch huyện K cấp ngày 18/6/2008 cho hộ kinh doanh Hà Xuân T. Tuy nhiên xác minh tại Phòng tài chính kế hoạch huyện K (nay là thị xã B) không có hồ sơ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên, xác minh tại Chi cục thuế thị xã B và huyện K thì không có đăng ký kê khai thuế và thực tế ông T không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 189995, đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Ngọc A, địa chỉ: Thôn T 6, xã P, huyện K, được Ngân hàng định giá 03 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2011 là 11.760.000 đồng; năm 2018 là 81.000.000 đồng”. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, mà không đi thẩm định điều kiện vay vốn, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Tính đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 821.250.000 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.419.000.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 81.000.000 đồng).

17. Hồ sơ khách hàng Nguyễn Thị Dạ T.

- Ngày 07/12/2011 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100590, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích vay là kinh doanh nông sản, trang trí nội thất, mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn trả 07/12/2012. Trong hồ sơ vay vốn có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40E8000808 do Phòng tài chính kế hoạch huyện K cấp ngày 22/7/2005 cho hộ kinh doanh Nguyễn Thị Dạ T. Tuy nhiên xác minh tại Phòng tài chính kế hoạch huyện K (nay là thị xã B) không có hồ sơ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên, xác minh tại Chi cục thuế thị xã B và huyện K thì không có đăng ký kê khai thuế và thực tế bà T không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 485790, đứng tên người sử dụng là bà Nguyễn Thị Dạ T, được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 202.725.000 đồng; năm 2018 là 916.536.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Ngày 07/11/2012 Ngân hàng thu nợ 600.000.000 đồng. Tính đến khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 900.000.000 đồng, nợ lãi 887.987.500 đồng.

- Ngày 07/11/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200564, vay số tiền 1.600.000.000 đồng, mục đích vay là kinh doanh nông sản; hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Ngô Viết T ký mục tổ trưởng, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Tính đến ngày 31/8/2018, hợp đồng này còn nợ gốc 1.600.000.000 đồng, nợ lãi 1.019.533.333 đồng.

Như vậy, hai hợp đồng trên đã gây hậu quả thiệt hại 1.583.464.000 đồng (2.500.000.000 đồng nợ gốc – 916.536.000 đồng).

18. Hồ sơ khách hàng Mạc Kim T và bà Nguyễn Thị Đ.

Ngày 19/01/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200041, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích vay là kinh doanh nông sản lưu động, hạn trả 19/01/2013. Hồ sơ không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế ông T không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 449876, Thửa đất số 446, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đứng tên người sử dụng là bà Hà Thị Bích V, địa chỉ: phường Đ, thị xã B, được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 17.407.000 đồng; năm 2018 là 64.458.600 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Ngô Viết T ký mục tổ trưởng, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Tính đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.229.562.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.435.541.400 đồng (1.500.000.000 đồng – 64.458.600 đồng).

19. Hồ sơ khách hàng Lê Văn T.

Ngày 10/02/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2012.00055, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích vay là kinh doanh nông sản lưu động, hạn trả 10/02/2013. Hồ sơ không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế ông T không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 449055. Thửa đất số 450, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đứng tên người sử dụng ông Văn Công A, địa chỉ: xã P, huyện K, được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 21.128.000 đồng; năm 2018 là 146.400.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Ngô Viết T ký mục tổ trưởng, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Tính đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.235.062.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.353.600.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 146.400.000 đồng).

20. Hồ sơ khách hàng Lê Văn V và bà Đoàn Thị T.

Ngày 30/11/2011 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2012.00568, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích vay kinh doanh nông sản lưu động, hạn trả 30/11/2012. Trong hồ sơ vay vốn có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40E8001731 do Phòng tài chính kế hoạch huyện K cấp ngày 12/8/2008 cho hộ kinh doanh Lê Văn V. Tuy nhiên xác minh tại Phòng tài chính kế hoạch huyện K (nay là thị xã B) không có hồ sơ làm thủ tục giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên. Xác minh tại Chi cục thuế thị xã B và huyện K thì không có đăng ký kê khai thuế và thực tế ông V không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 139967, thửa đất số 886, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: phường K, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng ông Văn Công A, địa chỉ: xã P, huyện K

được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2011 là 13.200.000 đồng; năm 2018 là 72.500.000 đồng”. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hồ sơ khách hàng Lê Văn V còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 740.916.667 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.427.500.000 đồng nợ gốc (1.500.000.000 đồng – 72.500.000 đồng).

21. Hồ sơ khách hàng Hoàng Quốc V.

Ngày 10/01/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200024, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích vay là kinh doanh nông sản lưu động, hạn trả 10/01/2013. Hồ sơ không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế ông V không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 209148, thửa đất số 424, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đứng tên người sử dụng bà Nguyễn Thị Lệ T, địa chỉ: phường Đ, thị xã B được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 31.144.000 đồng; năm 2018 là 115.040.000 đồng. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.270.875.000 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.384.960.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 115.040.000 đồng).

22. Hồ sơ khách hàng Nguyễn Duy L.

Ngày 03/01/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100002, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích vay là kinh doanh nông sản lưu động, hạn trả 03/01/2013. Hồ sơ không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế ông L không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 534498, thửa đất số 612, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: phường K, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng ông Văn Công A, địa chỉ: P, huyện K được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 19.458.000 đồng; năm 2016 là 90.525.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.300.020.833 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.409.475.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 90.525.000 đồng).

23. Hồ sơ khách hàng Mạc Kim K.

Ngày 24/02/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200071, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích vay là kinh doanh nông sản lưu động, hạn trả 24/02/2013.

Trong hồ sơ vay vốn có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40E8001803 do Phòng tài chính kế hoạch huyện K cấp ngày 17/9/2008 cho hộ kinh doanh Mạc Kim K. Tuy nhiên xác minh tại Phòng tài chính kế hoạch huyện K (nay là thị xã B) không có hồ sơ làm thủ tục giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên. Xác minh tại Chi cục thuế thị xã B và huyện K thì không có đăng ký kê khai thuế và thực tế ông K không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 849207, thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5, địa chỉ xã P, K, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng ông Văn Công A, địa chỉ: P, huyện K được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 127.630.000 đồng; năm 2018 là 537.919.000 đồng”. Hồ sơ do Ngô Việt T lập, ký báo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.192.187.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 962.081.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 537.919.000 đồng).

24. Hồ sơ khách hàng Nguyễn Thị M H.

Ngày 16/12/2011 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100611, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích vay là kinh doanh nông sản lưu động, hạn trả 16/12/2012. Hồ sơ không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế bà H không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 534148, thửa đất số 252, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: phường Đ, thị xã B được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2011 là 21.915.000 đồng; năm 2018 là 59.201.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hồ sơ khách hàng Nguyễn Thị M H còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.648.875.000 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.440.799.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 59.201.000 đồng).

25. Hồ sơ khách hàng Nguyễn Thị Thanh B và ông Trần D.

- Ngày 24/11/2011 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100552 vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích kinh doanh vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn trả 24/11/2012. Trong hồ sơ có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40E8001458 do Phòng tài chính kế hoạch huyện K cấp ngày 16/5/2007 cho hộ kinh doanh Trần D (Chồng của bà Nguyễn Thị Thanh B) nhưng không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 485505, thửa đất số 188, tờ bản đồ số 08, địa chỉ phường A, thị xã buôn Hồ; số BA 016711, thửa đất số 302, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk và số AI 786162, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: xã ED, thị xã B, đứng tên người sử dụng bà Nguyễn

Thị Thanh B và ông Trần D, được Ngân hàng định giá 3,5 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Tổng giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất theo 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên vào năm 2011, 2012 là 541.430.000 đồng”; năm 2018 là 1.327.087.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm; Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Ngày 09/11/2012 Ngân hàng thu nợ gốc 600.000.000 đồng. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 900.000.000 đồng, nợ lãi 764.300.000 đồng.

- Ngày 06/11/2012, ký Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200568 vay số tiền 1,6 tỷ đồng, thời hạn trả 09/11/2013. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Ngô Viết T ký tổ trưởng, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày 31/8/2018, hợp đồng này còn nợ gốc 1.600.000.000 đồng, nợ lãi 1.018.533.333 đồng.

Như vậy, hai hợp đồng trên đã gây hậu quả thiệt hại 1.172.913.000 đồng (2.500.000.000 đồng nợ gốc – 1.327.087.000 đồng).

26. Hồ sơ khách hàng Nguyễn Thị Ái N.

Ngày 03/4/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200149, hợp đồng hạn mức tín dụng, thời hạn trả 03/4/2013, mục đích vay là kinh doanh nông sản lưu động, giải ngân số tiền 1.500.000.000 đồng. Hồ sơ không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế bà N không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 505366, thửa đất số 244, tờ bản đồ số 9, địa chỉ phường Đ, thị xã B, Đắk Lắk; số BK 747587, thửa đất số 805, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng Trần Đỗ N và Nguyễn Ngọc T được Ngân hàng định giá 2,1 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất theo 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên năm 2012 là 413.496.000 đồng; năm 2018 là 793.592.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Ngô Viết T ký tổ trưởng, Đỗ Thái V phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.287.533.334 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 706.408.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 793.592.000 đồng).

27. Hồ sơ khách hàng Lê Thị Thúy P.

- Ngày 22/11/2011 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100543, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích kinh doanh shop quần áo, thời hạn trả 22/11/2012. Trong hồ sơ vay vốn có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40E8001428 do phòng tài chính kế hoạch huyện K cấp ngày 25/10/2008 cho hộ kinh doanh Lê Thị Thúy P, nhưng không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh quần áo. Tuy nhiên xác minh tại Phòng tài chính kế hoạch huyện K (nay là thị xã B) không có hồ sơ làm thủ tục giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên. Xác minh tại Chi cục thuế thị xã B và huyện K thì không có đăng ký kê khai thuế. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 016722, thửa đất số 608, tờ bản đồ số 1, địa

chi phường A, thị xã B, đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Ngọc A, địa chỉ: xã P, K được Ngân hàng định giá 3,5 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2011 là 124.160.000 đồng; năm 2018 là 689.429.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.314.062.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 810.571.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 689.429.000 đồng).

- Ngày 01/11/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200553, vay số tiền 01 tỷ đồng; thời hạn trả ngày 01/11/2013. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Ngô Viết T ký mục Tổ trưởng, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày 31/8/2018 hợp đồng này còn nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi 640.958.333 đồng. Hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.000.000.000 đồng.

28. Hồ sơ khách hàng Lê Phúc H.

Ngày 10/02/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200056, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, mục đích vay kinh doanh nông sản lưu động, hạn trả 10/02/2013. Hồ sơ không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế ông H không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 449058, thửa đất số 453, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng ông Văn Công A, địa chỉ: P, huyện K được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 23.448.000 đồng; năm 2018 là 148.650.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Ngô Viết T ký tổ trưởng, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.235.062.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.351.350.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 148.650.000 đồng).

29. Hồ sơ khách hàng Trần Phước L.

- Ngày 01/9/2011, ký Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100422 để vay số tiền 750 triệu đồng, mục đích vay kinh doanh nông sản lưu động, hạn trả 01/9/2012. Trong hồ sơ vay vốn có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40C8001147 do phòng tài chính kế hoạch huyện K cấp ngày 28/7/2018 cho hộ kinh doanh Trần Phước L, nhưng không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản. Tuy nhiên xác minh tại Phòng tài chính kế hoạch huyện K (nay là thị xã B) không có hồ sơ làm thủ tục giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên. Xác minh tại Chi cục thuế thị xã B và huyện K thì không có đăng ký kê khai thuế, thực tế ông L không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 572278, thửa đất số 624, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Ngọc A, địa chỉ: xã P, K được Ngân hàng định giá 3 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày

29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2011 là 193.452.000 đồng; năm 2018 là 337.200.000 đồng”. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 750.000.000 đồng, nợ lãi 560.552.083 đồng. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định; Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 412.800.000 đồng (750.000.000 đồng – 337.200.000 đồng).

- Ngày 09/9/2011, ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2011.00488 vay số tiền 200.000.000 đồng, hạn trả 09/9/2014. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định; Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi 148.541.667 đồng. Hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 200.000.000 đồng.

- Ngày 06/12/2011, ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2011.00579 vay số tiền 200.000.000 đồng, hạn trả 06/12/2014. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định; Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi 137.480.222 đồng. Hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 200.000.000 đồng.

- Ngày 20/02/2012, ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2012.00067 vay số tiền 350.000.000 đồng, hạn trả 20/02/2014. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định; Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 350.000.000 đồng, nợ lãi 243.590.278 đồng. Hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 350.000.000 đồng.

- Ngày 16/10/2012, ký Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2012.00520 vay số tiền 500.000.000 đồng, hạn trả 16/10/2017. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định; Ngô Viết T ký tổ trưởng; Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ lãi 250.688.889 đồng. Hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 500.000.000 đồng.

30. Hồ sơ khách hàng Hà Văn H.

Ngày 06/12/2011 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2011.00585, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả 06/12/2012, mục đích vay là kinh doanh nông sản lưu động. Trong hồ sơ vay vốn có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40E8002463 do Phòng tài chính kế hoạch huyện K ngày 07/4/2009 cho hộ kinh doanh Hà Văn H, nhưng không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế ông H không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 104549, thửa đất số 744, tờ bản đồ số 9, địa chỉ phường K, thị xã B, Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Ngọc A, địa chỉ: xã P, K được Ngân hàng định giá 3,5 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLDG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2011 là 15.696.000 đồng; năm 2018 là 248.770.000 đồng”. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 737.916.667 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.251.230.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 248.770.000 đồng).

31. Hồ sơ khách hàng Nguyễn Thái D.

Ngày 17/11/2011 đề ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2011.00534, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả 18/11/2012, mục đích vay là kinh doanh nông sản lưu động. Trong hồ sơ vay vốn có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40E8002163 do Phòng tài chính kế hoạch huyện K cấp ngày 14/10/2008 cho hộ kinh doanh Nguyễn Thái D, nhưng không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế ông D không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 267798, thửa đất số 438, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, thị xã buôn Hồ, đứng tên người sử dụng ông Phạm Ngọc T và Huỳnh Thị Cẩm H được Ngân hàng định giá 03 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2011 là 13.200.000 đồng; năm 2016 là 280.531.252 đồng”. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.082.041.667 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.219.468.748 đồng (1.500.000.000 đồng – 280.531.252 đồng).

32. Hồ sơ khách hàng Ngô Thị T và ông Nguyễn Văn P.

Ngày 28/11/2011 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2011.00562, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả 28/11/2012, mục đích vay kinh doanh nông sản lưu động. Trong hồ sơ vay vốn có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40E8001778 do Phòng tài chính kế hoạch huyện K ngày 14/7/2008 cho hộ kinh doanh Nguyễn Văn P (chồng bà T) nhưng không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế bà T không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 623082, thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10, địa chỉ xã EH, KN, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng ông Văn Công A, địa chỉ: xã P, huyện K được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2011 là 10.000.000 đồng; năm 2018 là 556.598.000 đồng”. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 741.875.000 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 943.402.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 556.598.000 đồng).

33. Hồ sơ khách hàng Trần Văn P.

Ngày 03/01/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-20110001, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả 03/01/2013, mục đích vay là kinh doanh nông sản lưu động. Trong hồ sơ không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế ông P không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số BE 534497, thửa đất số 614, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: phường K, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng ông Văn Công A, địa chỉ: xã P, huyện K được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 19.364.000 đồng; năm 2018 là 90.075.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn dư nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.247.187.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.409.925.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 90.075.000 đồng).

34. Hồ sơ khách hàng Nguyễn Quốc T.

Ngày 16/03/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2012.00112, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả 16/03/2013, mục đích vay mua rẫy cà phê 03 ha, trang trí nội thất và mua sắm vật dụng gia đình. Trong hồ sơ không có tài liệu chứng minh có mua rẫy cà phê. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 505036, thửa đất số 460, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng Hoàng Quốc V, địa chỉ: phường T, thị xã B được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 14.676.000 đồng; năm 2018 là 97.125.000 đồng”. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1,5 tỷ đồng, nợ lãi 1.111.645.833 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.402.875.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 97.125.000 đồng).

35. Hồ sơ khách hàng Võ Thị Mỹ D.

Ngày 13/02/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200058, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả 13/02/2013, mục đích kinh doanh nông sản lưu động. Trong hồ sơ vay vốn không có tài liệu chứng minh hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế bà D không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 209136, thửa đất số 486, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng ông Văn Công A, địa chỉ: xã P, huyện K được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 21.936.000 đồng; năm 2018 là 91.200.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Ngô Viết T ký tổ trưởng, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1,5 tỷ đồng, nợ lãi 1.289.062.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.408.800.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 91.200.000 đồng).

36. Hồ sơ khách hàng Trương D.

Ngày 08/02/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200052, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả 08/02/2013, mục đích vay kinh doanh nông sản lưu động. Trong hồ sơ vay vốn không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế ông D không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 449056, thửa đất số 451, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng ông Văn Công A, địa chỉ: xã P, huyện K Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 23.256.000 đồng; năm 2018 là 147.300.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Ngô Viết T ký tổ trưởng, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.208.937.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.352.700.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 147.300.000 đồng).

37. Hồ sơ khách hàng Nguyễn Thị Đ.

Ngày 20/01/2012 để ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200045, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả 20/01/2013, mục đích vay kinh doanh nông sản lưu động. Trong hồ sơ vay vốn không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế bà Đ không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 449875, thửa đất số 445, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng bà Hà Thị Bích V, địa chỉ: phường Đ, thị xã B được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 16.611.000 đồng; năm 2018 là 62.641.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Ngô Viết T ký tổ trưởng, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1,5 tỷ đồng, nợ lãi 1.228.812.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.437.359.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 62.641.000 đồng).

38. Hồ sơ khách hàng Đoàn Thị V.

Ngày 17/01/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2012.00035, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả 17/01/2013, mục đích vay kinh doanh nông sản lưu động. Trong hồ sơ vay vốn có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40E8001657 do Phòng tài chính kế hoạch huyện K ngày 29/5/2008 cho hộ kinh doanh Đoàn Thị V, nhưng không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế bà V không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 449877, thửa đất số 447, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng bà Hà Thị Bích V, địa chỉ: phường Đ, thị xã B được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm

2012 là 17.427.000 đồng; năm 2018 là 64.794.000 đồng. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1,5 tỷ đồng, nợ lãi 1.209.812.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.435.206.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 64.794.000 đồng).

39. Hồ sơ khách hàng Trần Thị Phương L.

Ngày 06/12/2011 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2012.00580, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả 06/12/2012, mục đích vay kinh doanh nông sản lưu động. Trong hồ sơ vay vốn có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40E8001873 do Phòng tài chính kế hoạch huyện K ngày 22/9/2008 cho hộ kinh doanh Trần Thị Phương L, nhưng không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế bà L không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 189677, thửa đất số 870, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Văn Niêm, địa chỉ: phường Đ, thị xã B được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2011 là 12.176.000 đồng; năm 2018 là 25.890.000 đồng”. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 823.416.667 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.474.110.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 25.890.000 đồng).

40. Hồ sơ khách hàng Trần Văn Đ và bà Trương Thị Mỹ C.

Ngày 04/01/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200006, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả 04/01/2013, mục đích vay kinh doanh nông sản lưu động. Trong hồ sơ vay vốn không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế ông Đ không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 116773, thửa đất số 482, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng bà Hà Thị Bích V địa chỉ: phường Đ, thị xã B được Ngân hàng định giá 02 đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 40.854.000 đồng; năm 2018 là 213.484.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.246.125.000 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.286.516.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 213.484.000 đồng).

41. Hồ sơ khách hàng Trương Văn S.

Ngày 15/03/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2012.00106, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả 15/3/2013, mục đích vay kinh doanh nông sản lưu động. Trong hồ sơ vay vốn không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông

sản, thực tế ông S không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 505039, thửa đất số 463, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng ông Hoàng Quốc V, địa chỉ: phường T, thị xã B được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 16.020.000 đồng; năm 2018 là 101.625.000 đồng”. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.301.500.000 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 1.398.375.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 101.625.000 đồng).

42. Hồ sơ khách hàng Trần Văn N.

Ngày 15/03/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2012.00105, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả 15/3/2013, mục đích vay kinh doanh nông sản lưu động. Trong hồ sơ vay vốn không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế ông N không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 505037, thửa đất số 461, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên người sử dụng ông Hoàng Quốc V, địa chỉ: phường T, thị xã B được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 15.124.000 đồng; năm 2018 là 95.325.000 đồng”. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.301.500.000 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại là 1.404.675.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 95.325.000 đồng).

43. Hồ sơ khách hàng Lê Văn M.

Ngày 08/03/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200086, vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả 08/3/2013, mục đích vay kinh doanh nông sản lưu động. Trong hồ sơ vay vốn không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản, thực tế ông M không kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 449486, thửa đất số 94A, tờ bản đồ số 1, địa chỉ phường A, thị xã B, đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Ngọc C, địa chỉ: xã P, huyện K được Ngân hàng định giá 02 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2012 là 143.750.000 đồng; năm 2018 là 533.942.000 đồng”. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.041.562.500 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại là 966.058.000 đồng (1.500.000.000 đồng – 533.942.000 đồng).

44. Hồ sơ khách hàng Nguyễn Ngọc C.

- Ngày 20/11/2009 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2009.00921, hợp đồng hạn mức 2,5 tỷ đồng, mục đích kinh doanh nông sản. Trong hồ sơ vay vốn có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40E8000140 do Phòng tài chính kế hoạch huyện K ngày 30/7/2002 cho hộ kinh doanh Nguyễn Ngọc C. Tuy nhiên, không có tài liệu chứng minh có hoạt động kinh doanh nông sản. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo thẩm định, Đỗ Thái V ký trưởng phòng kinh doanh, Phan Văn T phê duyệt cho vay. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 975922, thửa đất số 269, tờ bản đồ số 5, địa chỉ xã E, huyện K, Đắc Lắc (nay là phường T, thị xã B đứng tên người sử dụng Trịnh K, địa chỉ: phường T, thị xã B được Ngân hàng định giá 03 tỷ đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLĐG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắc Lắc kết luận: “Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2011 là 280.800.000 đồng, năm 2018 là 2.353.661.000 đồng”.

Ngày 09/9/2011 Ngô Viết T lập giấy nhận nợ, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho khách hàng Nguyễn Ngọc C vay 400.000.000 đồng, ngày 12/9/2012 ngân hàng thu nợ gốc 350.000.000 đồng. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 50.000.000 đồng, nợ lãi 348.766.667 đồng.

Ngày 12/9/2011 Ngô Viết T lập giấy nhận nợ, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho khách hàng Nguyễn Ngọc C vay 700.000.000 đồng, ngày 12/9/2012 ngân hàng thu nợ gốc 650.000.000 đồng. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 50.000.000 đồng, nợ lãi 565.341.111 đồng.

Ngày 16/12/2011 Ngô Viết T lập giấy nhận nợ, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho khách hàng Nguyễn Ngọc C vay 700.000.000 đồng. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 700.000.000 đồng, nợ lãi 590.800.000 đồng.

- Ngày 12/9/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200469, vay 01 tỷ đồng, mua 02 xe tải 08 tấn. Hồ sơ do Ngô Viết T lập, ký báo thẩm định, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi 552.566.667 đồng.

- Ngày 09/11/2012 ký hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-2009.00556, vay 700.000.000 đồng, mục đích kinh doanh nông sản. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 666131; thửa đất số 479, tờ bản đồ số 08, địa chỉ phường Đ, thị xã B, Đắc Lắc. Chủ sở hữu là Văn Công A, địa chỉ: xã P, huyện K được Ngân hàng định giá 01 tỷ đồng. Giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất năm 2011 là 13.280.000 đồng, năm 2018 là 75.625.000 đồng. Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo thẩm định, Ngô Viết T ký tổ trưởng, Đỗ Thái V ký phê duyệt cho vay. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 700.000.000 đồng, nợ lãi 438.054.167 đồng.

Như vậy, các hợp đồng trên đã gây hậu quả thiệt hại là 70.714.000 đồng (2.500.000.000 đồng – 2.429.286.000 đồng).

45. Hồ sơ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Năm T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1968, HKTT: Thôn T 6, xã P, huyện K, tỉnh Đắc Lắc. Ngày 19/7/2010 ký Hợp đồng tín dụng số

5219-LAV-2009.00657, hạn mức tín dụng 04 tỷ đồng, mục đích kinh doanh ô tô – phụ tùng ô tô các loại. Tài sản thế chấp là 04 xe ô tô các loại (01 xe ô tô Mercedes; 01 xe ô tô H dai 16 chỗ; 01 xe ô tô Toyota Camry; 01 xe ô tô Isuzu, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 012498, thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: xã P, huyện K, đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Ngọc C; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 775498, thửa đất số 478, tờ bản đồ số 8, địa chỉ phường Đ, thị xã B, đứng tên người sử dụng ông Văn Công A, địa chỉ: xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được Ngân hàng định giá 11.000.000.000 đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 599/KLDG-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: Hồ sơ do Nguyễn Quốc M lập, ký báo cáo thẩm định, Đỗ Thái V ký trưởng phòng kinh doanh, Phan Văn T phê duyệt cho vay.

Tại thời điểm giải quyết cho vay tổng giá trị tài sản đảm bảo là 4.231.040.000 đồng. Đến ngày 03/12/2012, Nguyễn Quốc M lập đề xuất cho rút tài sản và được ông Đỗ Thái V ký phê duyệt, năm 2018 tổng giá trị tài sản đảm bảo là 1.037.325.000 đồng. Đến ngày khởi tố vụ án, hợp đồng này còn nợ gốc 4.000.000.000 đồng, nợ lãi 3.898.834.217 đồng.

Như vậy, hợp đồng này đã gây hậu quả thiệt hại 2.962.675.000 đồng (4.000.000.000 đồng – 1.037.325.000 đồng).

- Tại Kết luận giám định số 179/PC54 ngày 12/02/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định:

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Quốc M, Ngô Viết T, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Thị Đ, X, Mạc Văn K, Lê Thị L, Huỳnh Trọng N, Lê Khả T, Mạc Kim T, Đoàn Thị V, Trần Đăng S trong các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

+ Chữ ký mang tên Lê Thị T H, Đỗ Thái V, Phan Văn T trong các tài liệu cần giám định so với chữ ký trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị L dưới các mục: “NGƯỜI NHẬN” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A31, “customer” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A32; “Người lĩnh tiền” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A68 so với chữ ký, chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh là không phải do cùng một người ký và viết ra. (BL 73-80)

- Tại Kết luận giám định số 706/PC54 ngày 30/11/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định:

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Văn N, Nguyễn Văn T, Trần Thị Ngọc M, Lê Thị H, Nguyễn M Q, Trương Thị Ngọc L (kí hiệu A17, A18), Hà Thị Doan P (dòng thứ 1, 2 kí hiệu A19, A20, A21, A22, A25, A26, A27, A28, A22) trong các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Trương Thị Ngọc L (ký hiệu A16), Hà Thị Doan P (dòng thứ 3, 4 kí hiệu A19, A23, A24) trong các tài liệu cần giám định

so với chữ ký, chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M14, M15, M16 là không phải do cùng một người ký và viết ra. (BL 83-85)

- Tại Kết luận giám định ngày 25/3/2016 và Kết luận giám định số 3202, 3203, 3204, 3205, 3206, 3207, 3208, 3209, 3210, 3211, 3212, 3213, 3214, 3215, 3216, 3217, 3218, 3219/KLGĐ-SXD ngày 26/12/2017 của Sở xây dựng tỉnh Đắk Lắk xác định: Tỷ lệ phần trăm chất lượng còn lại của công trình nhà ở riêng lẻ gắn liền với:

+ Thửa đất số 672, tờ bản đồ số 07, tại xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm tháng 03/2016 là: Tương đương 51,5%.

+ Thửa đất số 264a, tờ bản đồ số 02, tại số 1021/5 H Vương, phường T, thị xã B tại thời điểm tháng 12/2017 là: Phần nhà xây dựng năm 1986: Tương đương 27%; Phần nhà cải tạo mở rộng năm 1990: Tương đương 36%.

+ Thửa đất số 438, tờ bản đồ số 02, tại số 75 H, phường T, thị xã B tại thời điểm tháng 12/2017 là: Tương đương 46,5%.

+ Thửa đất số 269, tờ bản đồ số 05, tại số 37 M, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm tháng 12/2017 là: Tương đương 41%.

+ Thửa đất số 228, tờ bản đồ số 08, tại số 259 T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm tháng 12/2017 là: Tương đương 67%.

+ Thửa đất số 94a, tờ bản đồ số 01, tại số 02 H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm tháng 12/2017 là: Tương đương 41%.

+ Thửa đất số 118, tờ bản đồ số 08, tại số 32 N, phường A, thị xã B tại thời điểm tháng 12/2017 là: Tương đương 42,5%.

+ Thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10, tại số 21 thôn T, xã EH, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm tháng 12/2017 là: Tương đương 28,5%.

+ Thửa đất số 519, tờ bản đồ số 06, tại thôn T 6, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm tháng 12/2017 là: Tương đương 41,9%.

+ Thửa đất số 57 + 65, tờ bản đồ số 41, tại địa chỉ số 42 thôn E, xã E, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm tháng 12/2017 là: Nhà Chính: Tương đương 92%; Khu phụ: Tương đương 35,5%.

+ Thửa đất số 61, tờ bản đồ số 28, tại số 1A Chu Văn A, phường K, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm tháng 12/2017 là: Tương đương 40%.

+ Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 09, tại địa chỉ TDP 4, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm tháng 12/2017 là: Phần nhà xây dựng năm 1996: Tương đương 27,8%; Phần nhà xây dựng năm 2016: Tương đương 87%.

+ Thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ Buôn Sing B, xã ED, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm tháng 12/2017 là: Tương đương 40,3%.

+ Thửa đất số 09, tờ bản trích đo tại địa chỉ 23/4 K, phường K, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm tháng 12/2017 là: Tương đương 37,08%.

+ Thừa đất số 09, tờ bản trích đo tại địa chỉ 23/4 K, phường K, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm tháng 12/2017 là: Tương đương 37,08%.

+ Thừa đất số 492, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ TDP 10, phường K, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm tháng 12/2017 là: Tương đương 27,8%.

+ Thừa đất số 401, tờ bản đồ số 04, tại địa chỉ số 11 Văn Tiến D, phường Đ, thị xã B tại thời điểm tháng 12/2017 là: Tương đương 51,9%.

+ Thừa đất số 608, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ số 07 N, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm tháng 12/2017 là: Phần nhà ở: Tương đương 68%; Phần nhà kho: Tương đương 45%.

+ Thừa đất số 171, tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ thôn 9A, xã P, huyện K tại thời điểm tháng 12/2017 là: Phần nhà xây dựng năm 1987: Tương đương 30%; Phần nhà xây dựng năm 2008: Tương đương 36,8%. (BL 212-390)

- Tại Kết luận định giá tài sản số 1591/KLĐG – STC ngày 23/7/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận:

+ Xe ô tô hiệu Toyota Camry; biển số 47L-9897 (47A-066.00), định giá tại thời điểm năm 2009 giá trị còn lại 900.000.000đ, năm 2018 giá trị còn lại 500.000.000đ; Xe ô tô hiệu Mercedes Benz, biển số 47T-6979: Không xác định được giá trị tài sản, vì vậy Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự không thực hiện định giá; Xe ô tô hiệu Isuzu-Dmas, biển số 47L-8283, định giá tại thời điểm năm 2010 giá trị còn lại 675.000.000đ, năm 2018 giá trị còn lại 262.500.000đ; Xe ô tô hiệu Isuzu-Dmas, biển số 47T-0137, định giá tại thời điểm năm 2010 giá trị còn lại 684.000.000đ, năm 2018 giá trị còn lại 266.000.000đ.

+ Đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 42, tờ bản đồ số 06, thôn T – xã P, huyện K: Thời điểm định giá năm 2010: Giá trị quyền sử dụng đất 224.040.000đ; Thời điểm định giá năm 2018: Giá trị quyền sử dụng đất 567.000.000đ; Giá trị tài sản: Giá trị đất ở 500.000.000đ, giá trị đất nông nghiệp 67.000.000đ. (BL 24-25)

- Tại Kết luận giám định số 498/KLGD-ĐAL ngày 28/7/2016 và số 935/KLGD-ĐAL ngày 29/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước V Nam, Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk kết luận:

+ Việc thực hiện quy trình tiếp nhận hồ sơ: Chi nhánh Ngân hàng T đã chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 14 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc NHNN quy định về hồ sơ vay vốn.

+ Việc thẩm định, xét duyệt cho vay: Chi nhánh Ngân hàng T là không có cơ sở, không có tài liệu chứng minh để xem xét, đánh giá tính khả thi, hiệu quả của dự án kinh doanh và khả năng hoàn trả nợ vay của khách hàng để quyết định cho vay, chưa thực hiện đúng quy định tại Khoản 2, Điều 15 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc NHNN quy định về thẩm định cho vay.

+ Việc phê duyệt, quyết định cho vay: Chi nhánh Ngân hàng T đã phê duyệt cho vay khi khách hàng không đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn, chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số

1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc NHNN quy định về điều kiện cho vay.

+ Việc giải ngân vốn vay: Chứng từ giao dịch (chứng từ chi tiền) không có Kiểm soát ký trước khi thực hiện là chưa thực hiện đúng quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 8 Quyết định 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 quy định về ký chứng từ.

+ Thủ tục đảm bảo tiền vay: Chi nhánh Ngân hàng T đã thực hiện theo quy định của Nhà nước về thủ tục bảo đảm tiền vay được quy định tại Khoản 1, Điều 12 Nghị Định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định các trường hợp phải đăng ký giao dịch bảo đảm.

+ Việc kiểm tra, giám sát vốn vay: Chi nhánh Ngân hàng T đã thực hiện không đúng quy định về kiểm tra, giám sát vốn vay quy định tại Điều 21 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc NHNN quy định về kiểm tra, giám sát vốn vay. (BL 101-114; 139-195)

Tại bản cáo trạng số: 82/CT-VKS-P3 ngày 08/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc M, Đỗ Thái V, Ngô Viết T về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” quy định tại điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Với nội dung nêu trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 52 /2020/HS-ST ngày 17-7 -2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định.

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Thái V, Nguyễn Quốc M, Ngô Viết T, phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo **Đỗ Thái V** 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 19/10/2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc M** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 19/10/2017.

Xử phạt bị cáo **Ngô Viết T** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 13/8/2018.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 323; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ Luật dân sự 2015:

- Buộc bà **Hà Thị Doan P** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 1.557.929.844 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AM

294237, thửa đất số 672, tờ bản đồ số 07 do UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Ngọc C để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Nguyễn Ngọc A** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 5.260.827.538 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AI 786129 mang tên ông Nguyễn Trí H và bà Trương Thị H V đối với thửa đất số 401, tờ bản đồ số 04, tại phường Đ, thị xã Buôn hồ, tỉnh Đăk Lăk để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Lê Khả T** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.285.660.853 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AH 260409 đối với thửa đất số 492, tờ bản đồ số 01, tại thị trấn B, tỉnh Đăk Lăk (nay là phường K, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk) do Ủy ban nhân dân huyện K đứng tên ông Nguyễn Ngọc C để thu hồi nợ.

- Buộc bà **Lê Thị H** và ông **Phan Văn S** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.253.602.025 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BA 139969 đối với thửa đất số 888 tờ bản đồ số 01, tại phường K, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk; do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đăk Lăk cấp cho ông Văn Công A để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Nguyễn Văn T** và bà **Trương Thị Ngọc L** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.402.719.435 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AM 265782 đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 23 tại phường K, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk; do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị H để thu hồi nợ.

- Buộc bà **Trương Thị Ngọc L** và ông **Nguyễn Văn T** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.249.378.163 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AI 669849 đối với thửa đất số 830, tờ bản đồ số 09 tại phường K, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đăk Lăk cấp cho ông Nguyễn T để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Trần Văn N** và bà **Nguyễn Thị L** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.225.881.111 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BA 189018 đối với thửa đất số 795, tờ bản đồ số 01, tại phường K, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đăk Lăk cấp cho bà Trần Thị Mỹ H để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Nguyễn Ngọc A** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 7.012.312.500 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AD 973038 đối với thửa đất số 519 tờ bản đồ số 06, do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đăk Lăk cấp cho ông Nguyễn Ngọc A để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Phạm Văn A** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 4.011.187.500 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BE 449057, đối với thửa đất số 452, tờ bản đồ số 08 tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk; do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đăk Lăk cấp cho ông Văn Công A để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Mạc Kim T và bà Nguyễn Thị Điều** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.987.312.500 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BE 449876, đối với thửa đất số 446, tờ bản đồ số 08, tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk, do UBND thị xã B cấp cho bà Hà Thị Bích V để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Lê Văn V và bà Đoàn Thị T** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.454.500.000 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BA 139967 đối với thửa đất số 886, tờ bản đồ số 01, tại phường K, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Văn Công A để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Hoàng Quốc V** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 4.028.625.000 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BA 209148 đối với thửa đất số 424, tờ bản đồ số 08, tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Văn Công A để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Mạc Kim K** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.987.312.500 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BE 849207, đối với thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5, tại xã P, K, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 23/02/2012 cho ông Văn Công A để thu hồi nợ.

- Buộc bà **Nguyễn Thị Thanh B và ông Trần D** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 6.379.083.333 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AB 485505, đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 08, tại phường A, thị xã buôn Hồ do Ủy ban nhân dân huyện K, cấp cho hộ ông Trần D; quyền sử dụng đất số BA 016711, đối với thửa đất số 302, tờ bản đồ số 07, tại phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk và quyền sử dụng đất số AI 786162, đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20, tại xã ED, thị xã B tỉnh Đăk Lăk, chủ sở hữu là Nguyễn Thị Thanh B và Trần D để thu hồi nợ.

- Buộc bà **Lê Thị Thúy P** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 6.551.270.833 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BA 016722 đối với thửa đất số 608, tờ bản đồ số 1, tại phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Nguyễn Ngọc A để thu hồi nợ.

- Buộc bà **Ngô Thị T** và ông **Nguyễn Văn P** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.015.875.000 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BG 623082 đối với thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10, tại xã EH, huyện KN, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân huyện KN cấp cho ông Văn Công A để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Trần Văn P** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 4.004.937.500 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BE 534497 đối với thửa đất số 614, tờ bản đồ số 07, tại phường K, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Văn Công A để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Trần Văn Đ** và bà **Trương Thị Mỹ C** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 4.003.875.000 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BA 116773 đối với thửa đất số 482, tờ bản đồ số 02, tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho bà Hà Thị Bích V để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Trần Văn N** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 4.252.750.000 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BE 505037 đối với thửa đất số 461, tờ bản đồ số 08, tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Hoàng Quốc V để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Lê Văn M** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.618.479.167 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BE 449486 đối với thửa đất số 94A, tờ bản đồ số 1, tại phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk; do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Nguyễn Ngọc C để thu hồi nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk được quyền xử lý các tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông Nguyễn Ngọc C là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 975922 đối với thửa đất số 269, tờ bản đồ số 5, địa chỉ xã E, huyện K, Đăk Lăk (nay là phường T, thị xã B), do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Trịnh K; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 666131 đối với thửa đất số 479, tờ bản đồ số 08, tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Văn Công A, để thu hồi nợ.

Giao cho Ngân hàng X V Nam - Chi nhánh Bắc Đăk Lăk xử lý số tiền 2.945.000.000 đồng Phan Văn T đã nộp vào tài khoản tạm giữ số 459901 của Ngân hàng X V Nam - Chi nhánh Bắc Đăk Lăk để thu hồi nợ đối với hợp đồng tín dụng của 07 khách hàng là Võ K, X, Huỳnh Trọng N, Nguyễn Ngọc A, Hà Thị Đoan P, Lê Thị L, Lê Khả T.

Đối với các hợp đồng tín dụng của các khách hàng còn lại, Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đăk Lăk có quyền khởi kiện riêng bằng các vụ án dân sự khác tại Tòa án có thẩm quyền.

Bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định bị cáo Nguyễn Quốc M, bị hại và người liên quan kháng cáo như sau:

Bị cáo Nguyễn Quốc M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngân hàng X V Nam - Chi nhánh Bắc Đăk Lăk kháng cáo yêu cầu Tòa án giải quyết công nợ của các hộ vay của Ngân hàng, và không đồng ý việc Tòa án tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự. Đồng thời yêu cầu buộc các bị cáo phải lên đời bồi thường cho Ngân hàng.

Ông Lê Văn M kháng cáo yêu cầu Tòa án buộc bị cáo hoặc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Nguyễn Ngọc C phải chịu trách nhiệm trả gốc và lãi cho Ngân hàng số tiền là 3.618.479.167 đồng, ông M không đồng ý việc phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần D và vợ là Nguyễn Thị Thanh B kháng cáo không đồng ý việc tòa án tuyên buộc Ông, Bà phải trả số tiền gốc và lãi là 6.379.083.333 đồng, và phát mại tài sản để thu hồi nợ.

Ngày 5/11/2020 bị cáo Nguyễn Quốc M có đơn xin rút đơn kháng cáo, (đơn có xác nhận của Trại tạm giam Công an tỉnh Đăk Lăk, ngày 6/11/2020, Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk nhận ngày 9/11/2020). Với nội dung: ngày 21/7/2020, tôi có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt, nay tôi thấy mức án mà Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã tuyên ngày 17/7/2020 là phù hợp nên tôi viết đơn này xin được rút đơn kháng cáo ngày 21/7/2020.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Quốc M; không chấp nhận kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Luật sư Tô Tiến D, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng X V Nam chi nhánh Bắc Đăk Lăk đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận các nội dung kháng cáo của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ, xem xét ý kiến của Luật sư và quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M, có kháng cáo nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy đây là phiên tòa phúc thẩm lần hai, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ và hợp lệ nhưng ông Lê Văn M vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn M không trở ngại cho việc xét xử và không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 351; Điều 352 Bộ luật tố tụng hình sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Quốc M thừa nhận đã rút đơn kháng cáo và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử như vậy là đúng hành vi và tội danh mà bị cáo và các đồng phạm thực hiện. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo.

[3]. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Nguyễn Quốc M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ngày 5/11/2020, bị cáo có đơn rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo. Thấy rằng việc rút kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc M là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm về hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quốc M.

[4] Xét đơn kháng cáo của Ngân hàng X V Nam - Chi nhánh Bắc Đắc Lắc, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Trong vụ án này các bị cáo bị xét xử về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”, đây là loại tội phạm không có yếu tố chiếm đoạt, qua quá trình xác minh cơ quan điều tra đã điều tra xác minh trên các bộ hồ sơ mà phía Ngân hàng đã cho người dân vay, và thế chấp tài sản không đúng quy định của pháp luật để xác định mức độ thiệt hại làm căn cứ xử lý hình sự các bị cáo. Do vi phạm pháp luật trong hoạt động cho vay nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự như Bản án sơ thẩm tuyên là có căn cứ, đúng pháp luật. Còn về trách nhiệm dân sự thì giữa khách hàng và Ngân hàng thực hiện vay trả theo quan hệ hợp đồng tín dụng đã giao kết, do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc các khách hàng vay tiền của Ngân hàng phải có nghĩa vụ trả tiền gốc là nợ lãi cho Ngân hàng mà không buộc các bị cáo liên đới bồi thường là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo của Ngân hàng X V Nam chi nhánh Bắc Đắc Lắc, cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm tách các khách hàng vay chưa giải quyết trong cùng vụ án là không đúng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết. Đối với các giao dịch dân sự về vay và thế chấp tài sản này (các trường hợp mà

phía Ngân hàng yêu cầu), xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ các vấn đề liên quan đến trách nhiệm dân sự trong vụ án và xác định nơi cư trú, trách nhiệm dân sự của những khách hàng đã ký hợp đồng tín dụng và nhận tiền giải ngân theo các hợp đồng tín dụng trên. Tuy nhiên hiện nay, một số trường hợp khách hàng vay vốn đã thay đổi địa chỉ, không còn cư trú tại địa phương, dẫn đến việc tổng đạt văn bản tố tụng không được bảo đảm, bao gồm các khách hàng: Trần Thị Ngọc M, Nguyễn Thị M H, Nguyễn Thị Ái N, Lê Phúc H, Trần Phước L, Nguyễn Thái D, Nguyễn Quốc T, Trương D, Đoàn Thị V, Trần Thị Phương L, Nguyễn Duy L, Huỳnh Trọng N, Nguyễn Thị Đạo T, Võ Thị Mỹ D, Hà Xuân T, Lê Văn T, Hà Văn H, Nguyễn Thị Điều, X. Như vậy, việc giải quyết phần trách nhiệm dân sự đối với các hợp đồng tín dụng trên sẽ không đảm bảo về mặt tố tụng dân sự và cho công tác thi hành án vì thế Tòa án cấp sơ thẩm đã tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự để bảo đảm cho công tác thi hành án dân sự là phù hợp với pháp luật. Mặt khác, nội dung này Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết cho nên Tòa án cấp phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét giải quyết. Theo pháp luật tố tụng dân sự quy định và trên thực tế thì Ngân hàng cũng đã khởi kiện một số người vay bằng vụ án kinh doanh thương mại, do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm tách ra đối với các hợp đồng tín dụng của các khách hàng còn lại và Ngân hàng X V Nam chi nhánh Bắc Đắc Lắc có quyền khởi kiện riêng bằng một vụ án dân sự khác tại Tòa án có thẩm quyền là phù hợp và không làm mất đi quyền lợi của Ngân hàng.

Từ những những phân tích và lập luận nêu trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có căn cứ, đúng pháp luật; kháng cáo của Ngân hàng X V Nam - Chi nhánh Bắc Đắc Lắc là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Xét đơn kháng cáo của ông Trần D và vợ là bà Nguyễn Thị Thanh B, kháng cáo không đồng ý việc tòa án tuyên buộc Ông, Bà phải trả số tiền gốc và lãi là 6.379.083.333 đồng, và phát mại tài sản để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100552 ngày 24/11/2011, hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200568 ngày 06/11/2012, đối với khách hàng Nguyễn Thị Thanh B và ông Trần D tính đến thời điểm xét xử còn nợ gốc 2.500.000.000 đồng, nợ lãi 3.879.083.333 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông D cho rằng ông không ký vào hợp đồng tín dụng, bà B thừa nhận ký vào hợp đồng tín dụng là do không hiểu biết nhưng tại hồ sơ vụ án cũng như xác nhận của đại diện Ngân hàng và khai nhận của bị cáo Nguyễn Quốc M tại phiên tòa phúc thẩm, đã thể hiện: Hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201100552 ngày 24/11/2011 và hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200568 ngày 06/11/2012 do Nguyễn Quốc M lập và ông D bà B đã ký vào các hợp đồng này. Đại diện Ngân hàng cũng xác nhận số tiền mà ông D bà B còn nợ Ngân hàng như bản án sơ thẩm tuyên buộc là đúng.

Vì thế việc Tòa án sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Thanh B và ông Trần D phải trả số tiền gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng, cùng lãi phát sinh theo quy định pháp luật đến khi thanh toán xong khoản nợ trên là đúng pháp luật. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất để thu hồi nợ là có căn cứ. Do vậy đơn kháng cáo của ông D và bà B không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[6] Xét đơn kháng cáo của ông Lê Văn M kháng cáo yêu cầu Tòa án buộc bị cáo hoặc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Nguyễn Ngọc C phải chịu trách nhiệm trả gốc và lãi cho Ngân hàng số tiền là 3.618.479.167 đồng. Xét thấy: theo hợp đồng tín dụng số 5219-LAV-201200086 đối với ông Lê Văn Minh ngày 08/03/2012, tính đến thời điểm xét xử còn nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 2.118.479.167 đồng. Như vậy, ông Lê Văn M phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng là có căn cứ. Đơn kháng cáo của ông M cho rằng ông có ký vào hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp vay giúp cho ông C nhưng ông không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc vay giúp do vậy Bản án sơ thẩm buộc ông phải có nghĩa vụ trả nợ, trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất là có căn cứ. Vì ông có nghĩa vụ trả nợ do vậy phải chịu án phí có giá ngạch của số tiền phải trả là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy đơn kháng cáo của ông Lê Văn M không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Đơn kháng cáo về dân sự của Ngân hàng X V Nam - Chi nhánh Bắc Đắc Lắc; ông Lê Văn M; bà Nguyễn Thị Thanh B và ông Trần D không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Quốc M, Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc (về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Quốc M) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của Ngân hàng X V Nam - Chi nhánh Bắc Đắc Lắc; kháng cáo của ông Lê Văn M; kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh B và ông Trần D.

Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2020/HS-ST ngày 17-7-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 323; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ Luật dân sự 2015:

- Buộc bà **Hà Thị Doan P** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 1.557.929.844 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AM 294237, thửa đất số 672, tờ bản đồ số 07 do UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Ngọc C để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Nguyễn Ngọc A** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 5.260.827.538 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AI 786129 mang tên ông Nguyễn Trí H và bà Trương Thị H V đối với thửa đất số 401, tờ bản đồ số 04, tại phường Đ, thị xã Buôn hồ, tỉnh Đắk Lắk để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Lê Khả T** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.285.660.853 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AH 260409 đối với thửa đất số 492, tờ bản đồ số 01, tại thị trấn B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường K, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk) do Ủy ban nhân dân huyện K đứng tên ông Nguyễn Ngọc C để thu hồi nợ.

- Buộc bà **Lê Thị H** và ông **Phan Văn S** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.253.602.025 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BA 139969 đối với thửa đất số 888 tờ bản đồ số 01, tại phường K, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Văn Công A để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Nguyễn Văn T** và bà **Trương Thị Ngọc L** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.402.719.435 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AM 265782 đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 23 tại phường K, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị H để thu hồi nợ.

- Buộc bà **Trương Thị Ngọc L** và ông **Nguyễn Văn T** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.249.378.163 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AI 669849 đối với thửa đất số 830, tờ bản đồ số 09 tại phường K, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Nguyễn T để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Trần Văn N** và bà **Nguyễn Thị L** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là

3.225.881.111 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BA 189018 đối với thửa đất số 795, tờ bản đồ số 01, tại phường K, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà Trần Thị Mỹ H để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Nguyễn Ngọc A** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 7.012.312.500 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AD 973038 đối với thửa đất số 519 tờ bản đồ số 06, do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Nguyễn Ngọc A để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Phạm Văn A** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 4.011.187.500 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BE 449057, đối với thửa đất số 452, tờ bản đồ số 08 tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Văn Công A để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Mạc Kim T và bà Nguyễn Thị Điều** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.987.312.500 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BE 449876, đối với thửa đất số 446, tờ bản đồ số 08, tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, do UBND thị xã B cấp cho bà Hà Thị Bích V để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Lê Văn V và bà Đoàn Thị T** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.454.500.000 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BA 139967 đối với thửa đất số 886, tờ bản đồ số 01, tại phường K, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Văn Công A để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Hoàng Quốc V** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 4.028.625.000 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BA 209148 đối với thửa đất số 424, tờ bản đồ số 08, tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Văn Công A để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Mạc Kim K** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.987.312.500 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BE 849207, đối với thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5, tại xã P, K, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 23/02/2012 cho ông Văn Công A để thu hồi nợ.

- Buộc bà **Nguyễn Thị Thanh B và ông Trần D** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 6.379.083.333 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AB 485505, đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 08, tại phường A, thị xã buôn Hồ do Ủy ban nhân dân huyện K, cấp cho hộ ông Trần D; quyền sử dụng đất số BA 016711, đối với thửa đất số 302, tờ bản đồ số 07, tại

phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk và quyền sử dụng đất số AI 786162, đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 20, tại xã ED, thị xã B tỉnh Đắk Lắk, chủ sở hữu là Nguyễn Thị Thanh B và Trần D để thu hồi nợ.

- Buộc bà **Lê Thị Thúy P** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 6.551.270.833 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BA 016722 đối với thửa đất số 608, tờ bản đồ số 1, tại phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Nguyễn Ngọc A để thu hồi nợ.

- Buộc bà **Ngô Thị T và ông Nguyễn Văn P** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.015.875.000 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BG 623082 đối với thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10, tại xã EH, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân huyện KN cấp cho ông Văn Công A để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Trần Văn P** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 4.004.937.500 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BE 534497 đối với thửa đất số 614, tờ bản đồ số 07, tại phường K, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Văn Công A để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Trần Văn Đ và bà Trương Thị Mỹ C** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 4.003.875.000 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BA 116773 đối với thửa đất số 482, tờ bản đồ số 02, tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho bà Hà Thị Bích V để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Trần Văn N** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 4.252.750.000 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BE 505037 đối với thửa đất số 461, tờ bản đồ số 08, tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Hoàng Quốc V để thu hồi nợ.

- Buộc ông **Lê Văn M** phải trả cho Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là 3.618.479.167 đồng. Trường hợp không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BE 449486 đối với thửa đất số 94A, tờ bản đồ số 1, tại phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Nguyễn Ngọc C để thu hồi nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk được quyền xử lý các tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông Nguyễn Ngọc C là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 975922 đối với thửa đất số 269, tờ bản đồ số 5, địa chỉ xã E, huyện K, Đắk Lắk (nay là phường T, thị xã B), do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông

Trịnh K; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 666131 đối với thửa đất số 479, tờ bản đồ số 08, tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Văn Công A, để thu hồi nợ.

Giao cho Ngân hàng X V Nam - Chi nhánh Bắc Đắk Lắk xử lý số tiền 2.945.000.000 đồng Phan Văn T đã nộp vào tài khoản tạm giữ số 459901 của Ngân hàng X V Nam - Chi nhánh Bắc Đắk Lắk để thu hồi nợ đối với hợp đồng tín dụng của 07 khách hàng là Võ K, X, Huỳnh Trọng N, Nguyễn Ngọc A, Hà Thị Đoan P, Lê Thị L, Lê Khả T.

Đối với các hợp đồng tín dụng của các khách hàng còn lại, Ngân hàng X V Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk có quyền khởi kiện riêng bằng các vụ án dân sự khác tại Tòa án có thẩm quyền.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng X V Nam - Chi nhánh Bắc Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm dân sự; ông Lê Văn M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; Bà Nguyễn Thị Thanh B và ông Trần D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị và được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường